

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 261/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc X, sinh năm 1998; CCCD số: xxxxxxxx; Địa chỉ: Tổ 6, ấp T, xã Th, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Trần Hữu N, sinh năm 2003; CCCD số: xxxxxxxx; Địa chỉ: Khu phố 2, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Ngọc X và anh Trần Hữu N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc X và anh Trần Hữu N thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Lê Thị Ngọc X trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên là Trần Lê Khánh M – sinh ngày 27/5/2023.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Hữu N cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng, vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 5/2026 cho đến khi con đã thành niên.

Anh Trần Hữu N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Lê Thị Ngọc X có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu anh Trần Hữu N chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự trên số tiền chậm thi hành án.

2.3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị Ngọc X và anh Trần Hữu N không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Chị Lê Thị Ngọc X và anh Trần Hữu N khai không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.5. Án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị Ngọc X tự nguyện nộp án phí ly hôn là 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0004930 ngày 06/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp .

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 3 – Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã T, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Kim Sa